**Tác gia Nguyễn Công Trứ trong chương trình và sách giáo khoa trung học môn Văn ở miền Nam trước 1975**

**NGUYỄN CÔNG LÝ[[1]](#footnote-1)**

Tôi sinh ra và lớn lên ở miền Nam, trước năm 1975, tôi đã được học xong chương trình trung học, sau này lại theo nghề dạy học môn Văn đã hơn 40 năm, lại có nhiều lần được lên lớp bồi dưỡng giáo viên Trung học cơ sở, Trung học phổ thông qua mấy lần thay sách giáo khoa, nên có điều kiện và thuận lợi để nhìn nhận, so sánh, đánh giá về chương trình và sách giáo khoa môn Văn ở miền Nam trước năm 1975 so với chương trình và sách giáo khoa môn Văn sau năm 1975 qua mấy lần cải cách, chỉnh lý.

1. Về tên gọi môn học

Trong chương trình Trung học đệ nhất và đệ nhị cấp (nay là Trung học cơ sở và Trung học phổ thông) ở miền Nam trước năm 1975 thì tên môn học là Quốc văn, nhưng các soạn giả khi biên soạn sách giáo khoa thì ghi là Quốc văn hay Quốc văn độc bản như bộ sách của Trần Trọng San biên soạn; Việt văn như bộ sách của Võ Thu Tịnh biên soạn; Giảng văn như bộ sách của Đỗ Văn Tú biên soạn và Giảng văn như bộ sách của Thậm Thệ Hà biên soạn (một số quyển có sự cộng tác của Xuân Tước và Bằng Giang); Việt Nam thi văn trích giảng như sách của Tạ Ký biên soạn.

Cần lưu ý là trước năm 1975 ở miền Nam, Bộ Quốc gia Giáo dục chỉ ra Sắc lệnh hoặc Nghị định về chương trình khung (nội dung giảng dạy, tác giả, tác phẩm, thời lượng cho từng tác giả tác phẩm, v.v..) cho từng lớp của cấp học, chứ Bộ không độc quyền biên soạn hay chỉ đạo việc biên soạn sách giáo khoa mà việc này Bộ để cho các nhà giáo có khả năng, có kinh nghiệm và uy tín đang giảng dạy cấp trung học trực tiếp biên soạn, thông qua Ban Tu thư của một vài Nhà xuất bản như Sống Mới, Khai Trí, Văn Hào v.v.. tổ chức in ấn. Dĩ nhiên những bộ sách giáo khoa này trước khi xuất bản, được đưa vào giảng dạy trong nhà trường trung học toàn miền Nam thì chúng phải được Hội đồng thẩm định thuộc Trung tâm học liệu của Bộ Giáo dục xét duyệt, bỏ phiếu đồng ý tán thành. Hội đồng gồm một Chủ tịch và các thành viên, mà các vị này đều là những học giả, nhà nghiên cứu, nhà giáo có kinh nghiệm và uy tín. Còn các loại sách khác như biên khảo và dịch thuật thì do Hội đồng thẩm duyệt của Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hoá đảm nhận. Khi giảng dạy, các giáo viên (hồi ấy gọi là giáo sư trung học) bám vào chương trình khung mà soạn bài giảng, tự chọn sách dạy và định hướng cho học sinh của mình nên học theo sách giáo khoa của soạn giả nào. Và dĩ nhiên, không loại trừ có học sinh cùng một môn học mà lại mua vài ba bộ sách khác nhau để học tập và tham khảo nếu gia đình học sinh đó có điều kiện về kinh tế. Riêng môn Văn như trên đã nêu, có nhiều bộ sách giáo khoa của các soạn giả: Đỗ Văn Tú, Thẩm Thệ Hà, Trần Trọng San, Võ Thu Tịnh, Tạ Ký,... trong số đó hai bộ sách của hai soạn giả Đỗ Văn Tú, Thẩm Thệ Hà là được dùng phổ biến rộng rãi trong nhà trường ở các tỉnh thành miền Nam lúc bấy giờ.

Bài viết này sẽ giới thiệu chương trình khung và sách giáo khoa môn Quốc văn ở lớp Đệ tứ (lớp 9) và lớp Đệ nhị (lớp 11) được biên soạn về tác gia Nguyễn Công Trứ được áp dụng từ niên khoá 1969-1970 trở đi ở miền Nam, trên cơ sở đó nêu lên vài nhận xét về chương trình và các sách giáo khoa này.

2. Mục đích, yêu cầu của môn học

Theo tinh thần nội dung của Sắc lệnh số 660/TT/SL ngày 01-12-1969 và Nghị định số 1152A GD/KHPC/ND ngày 26-6-1970 về Chương trình Cập nhật hoá của Bộ Quốc gia Giáo dục, cùng Huấn thị của Bộ về việc giảng dạy Quốc văn thì: “Mục đích của môn Giảng văn là làm cho học sinh thấu hiểu giá trị về hình thức và nội dung của một tác phẩm hay một đoạn văn, để nhờ đó hun đúc tính khí và tâm hồn, mở mang kiến thức về văn học và thâu thái những điều bổ ích cho việc luyện văn”.

Phần Kim văn: Hình thức và nội dung của những bài Giảng văn phải phù hợp với chương trình Luận văn được giảng dạy: chẳng hạn, dạy những bài Giảng văn có tính cách miêu tả trong giai đoạn dạy Luận văn về loại miêu tả; những bài giảng văn có tính cách thuật sự trong giai đoạn dạy Luận văn về loại thuật sự,..

Phải lựa những bài văn có giá trị để rồi bắt học sinh học thuộc lòng nhằm rèn luyện ký ức văn khiếu.

Phần Cổ văn: Phải chọn những đoạn rất tiêu biểu, nhiều hay ít, dài hay ngắn tuỳ theo lớp và cấp học (về điểm này, Bộ có những chỉ thị rõ ràng để ấn định nên trích những đoạn nào có trong một tác phẩm, giảng những bài nào của một tác giả).

Việc đọc sách: Giáo sư phải hướng dẫn học sinh đọc sách. Học sinh phải có vở riêng để ghi chép những đoạn văn hay, tóm lược cuốn sách đã đọc. Mỗi tháng giáo sư nên kiểm soát vở đó một lần để theo dõi sự tự học của học sinh, khuyến khích sự đọc sách cho thành một sự ham mê để khi ra đời, học sinh nhờ đó mà luôn luôn tiếp tục việc học hỏi.

Thuyết trình văn học: Bên cạnh việc đọc sách ở nhà, chương trình còn yêu cầu học sinh Thuyết trình văn học tại lớp (từ lớp 6 đến lớp 11) ít nhất mỗi tháng một lần (02 giờ) về một tác phẩm, một vấn đề văn học nào đó có trong chương trình chính khoá, mà thường thuyết trình về các tác phẩm thuộc Kim văn, tức văn học hiện đại và đương đại, chẳng hạn như tìm hiểu về các tác phẩm của Tự Lực văn đoàn như: Đoạn tuyệt (Nhất Linh), Nửa chừng xuân và Hồn bướm mơ tiên (Khái Hưng), Con đường sáng và Mười điều tâm niệm (Hoàng Đạo), Anh phải sống (Khái Hưng và Nhất Linh), Gió đầu mùa, Sợi tóc, Hà Nội băm sáu phố phường (Thạch Lam), Hồn quê (Nguyễn Khắc Mẫn), Quê mẹ (Thanh Tịnh), v.v..; hay thơ lãng mạn của các tác giả: Thế Lữ, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính, v.v.. Có khi thầy cô giáo cho thuyết trình các tác phẩm văn học đương đại của các tác giả như: Võ Phiến, Võ Hồng, Duyên Anh, Nhã Ca, Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Thị Bảo, Duy Lam, Thế Uyên... mà những giờ thuyết trình trước lớp có thể nói là những giờ học đầy hứng thú, phấn khởi. Cả nhóm hay tổ đọc tác phẩm, đọc tài liệu nghiên cứu rồi trao đổi, làm chung một đề tài để trình bày trước lớp, sau đó cả lớp trao đổi, chất vấn, phản biện,... mà thầy cô giáo dạy Văn là người chứng kiến và đóng vai trò chỉ đạo, nhận xét đánh giá.

Việc thuyết trình văn học trước lớp theo tôi là rất có ích, bởi rèn luyện cho học sinh kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, hình thành cho học sinh tính mạnh dạn, tự tin khi tập nói chuyện, tập diễn giảng một vấn đề nào đó về văn chương trước tập thể bạn bè, mà việc này, chương trình môn học đã có yêu cầu ngay từ lớp Đệ thất (lớp 6), tức rèn luyện cho học sinh khi mới ở độ 11, 12 tuổi.

3. Về nội dung chương trình khung của môn học

3.1. Chương trình môn Văn Trung học Đệ nhất cấp

Trung học Đệ nhất cấp có bốn lớp: Đệ thất, Đệ lục, Đệ ngũ, Đệ tứ (từ niên khoá 1969-1970 gọi là lớp Sáu, lớp Bảy, lớp Tám, lớp Chín). Tác gia Nguyễn Công Trứ được học ở lớp Đệ tứ (lớp 9). Nội dung chương trình khung môn Văn cập nhật hoá ở lớp 9 được quy định như sau:

Giảng văn: gồm hai phần Kim văn và Cổ văn.

Phần Kim văn, trích giảng văn Nghị luận của Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Phan Chu Trinh, và trích các bài nghị luận trên các tạp chí: Đông Dương tạp chí, Nam Phong tạp chí, Tri Tân, Thanh Nghị, Tao Đàn của các tác giả khác.

Phần Cổ văn, trích giảng thơ của các tác giả: Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh.

Văn thể: Hát nói.

Văn học sử: Đại cương văn học sử Việt Nam từ khởi thuỷ đến hiện kim.

Luận văn: kiểu bài Nghị luận văn chương.

3.2. Chương trình môn Văn Trung học Đệ nhị cấp

Trung học Đệ nhị cấp gồm ba lớp: Đệ tam, Đệ nhị, Đệ nhất (từ niên khoá 1969-1970 gọi là lớp Mười, lớp Mười một, lớp Mười hai).

Bậc Trung học Đệ nhị cấp ở miền Nam học theo chương trình phân ban. Ban A chuyên sâu về Hoá, Sinh; Ban B chuyên sâu về Toán, Lý; Ban C chuyên sâu về Sinh ngữ (Anh, Pháp) và Văn chương, Triết học (Triết học chỉ học ở lớp Đệ nhất (lớp 12); Ban D chuyên sâu về Cổ ngữ (Hán, Nôm) và Văn chương, Triết học (Triết học chỉ học ở lớp Đệ nhất (lớp 12). Ở đó, chương trình môn Văn ở hai ban A và B thì học gọn hơn, ít hơn so với ban C và D. Do vậy, ở đây chỉ nêu lại chương trình môn Văn cập nhật hoá của ban C, D là ban chuyên về Văn chương, Sinh ngữ, Cổ ngữ mà thôi. Tác gia Nguyễn Công Trứ được học ở lớp Đệ nhị (lớp 11). Nội dung chương trình khung môn Văn cập nhật hoá ở lớp 11 được quy định như sau:

Văn học sử: Văn học Việt Nam từ sau Nguyễn Du đến 1945, gồm văn học chữ Nôm và văn học chữ Quốc ngữ.

Văn thể: thơ Đường luật, ôn lại Hát nói, học kỹ Thơ Mới.

Đọc bổ túc: Giới thiệu tác phẩm Hán văn.

Giảng văn: gồm hai phần Kim văn và Cổ văn.

Phần Cổ văn, trích giảng thơ văn của các tác giả: Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu (thơ và văn tế), Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh, Trần Tế Xương, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (thơ), đọc thêm: Cao Bá Nhạ, Dương Khuê.

Phần Kim văn: Lược khảo Đông Dương tạp chí, Nguyễn Văn Vĩnh, Phan Kế Bính; Lược khảo Nam Phong tạp chí, Phạm Quỳnh, Nguyễn Trọng Thuật; Lược khảo Tự Lực văn đoàn; Nhất Linh với tác phẩm Đoạn tuyệt; Khái Hưng với tác phẩm Nửa chừng xuân; Hoàng Đạo với tác phẩm Mười điều tâm niệm.

4. Về sách giáo khoa môn Văn bậc Trung học ở miền Nam trước 1975

Từ chương trình khung như trên, các soạn giả sách giáo khoa đã căn cứ vào đó để biên soạn sách giáo khoa môn Văn. Cụ thể như sau theo chương trình cập nhật hoá từ niên khoá 1970-1971 và 1971-1972. Ở đây, xin dẫn khảo chứng từ bộ sách giáo khoa của Thẩm Thệ Hà, có sự tham gia biên soạn của Xuân Tước và Bằng Giang ở lớp 9 và lớp 11.

Lớp đệ tứ (Lớp 9) Phần Cổ văn, sách giáo khoa biên soạn về Nguyễn Công Trứ, ngoài bài giới thiệu và tổng kết thì đã trích giảng và đọc thêm 28 văn bản như sau:

Tiểu sử, thân thế, thời đại, con người.

Giảng văn: Loại thơ tự vịnh (Đi thi tự vịnh; đọc thêm: Vịnh cảnh nghèo, Quân tử cố cùng, Hội gió mây, Thú điền viên, Thú ẩn dật, Tự thuật).

Loại thơ vịnh vật (Vịnh cây cau; đọc thêm: Vịnh cây thông, Vịnh cây vông, Vịnh trống đại cổ).

Loại thơ chí nam nhi (Luận kẻ sĩ; đọc thêm: Chí nam nhi, Nợ tang bồng, Nợ công danh).

Loại thơ nhân tình thế thái (Thế tình đen bạc; đọc thêm: Khuyên người đời, Trò chơi, Vinh nhục).

Loại thơ hưởng nhàn (Cảm tưởng ngày tháng thanh nhàn; đọc thêm: Thoát vòng danh lợi, Hành tàng, Thú thanh nhàn).

Tổng kết về Nguyễn Công Trứ.

Bài khảo sát: Vịnh cảnh già, Vô cầu, Vịnh mùa đông, Chí làm trai, Cầm kỳ thi tửu.

Từ năm học 1969-1970 trở về trước, học xong chương trình lớp Đệ tứ, học sinh đi thi để lấy bằng Trung học Đệ nhất cấp. Phần văn học cổ, tác gia Nguyễn Công Trứ là một trong những tác gia trọng tâm của chương trình thi.

Lớp đệ nhị (Lớp 11) Phần Cổ văn, sách giáo khoa biên soạn về Nguyễn Công Trứ, ngoài bài giới thiệu về tác giả thì đã trích giảng và đọc thêm 31 văn bản như sau:

Nguyễn Công Trứ: Tiểu sử - Văn nghiệp - Ý kiến phê bình về Nguyễn Công Trứ.

Bình giảng: Vịnh cảnh nghèo. Đọc thêm: Quân tử cố cùng, Hội gió mây, Thú điền viên.

Bình giảng: Thú ẩn dật. Đọc thêm: Muộn thành đạt,

Bình giảng: Hàn Nho phong vị phú, Một vài Câu đối.

Bình giảng: Chí làm trai, Chí nam nhi, Nợ nam nhi, Luận kẻ sĩ. Đọc thêm: Nợ tang bồng, Nợ công danh, Phận sự làm trai, Kiếp nhân sinh, Đường công danh, Đi thi tự vịnh, Tang bồng là nợ.

Bình giảng: Cầm kỳ thi tửu, Nợ phong lưu. Đọc thêm: Chơi xuân kẻo hết xuân đi.

Lược giảng: Nhàn. Đọc thêm: Thoát vòng danh lợi, Còn nhiều hưởng thụ, Hành tàng.

Bình giảng: Thế thái nhân tình, Thế tình đối với người nghèo.

Lược giảng: Thế tình đen bạc. Lược giảng: Cách ở đời. Đọc thêm: Vinh nhục.

Từ năm học 1970-1971 trở về trước, học xong chương trình lớp Đệ nhị, học sinh đi thi để lấy bằng Tú tài bán phần. Phần văn học cổ, tác gia Nguyễn Công Trứ là một trong những tác gia trọng tâm của chương trình thi.

5. Nhận xét chung

5.1. Có thể thấy chương trình khung môn Văn được sắp xếp có hệ thống chặt chẽ, khoa học, hợp lý, theo trình tự từ dễ đến khó, từ các bài trích giảng đến các bài giới thiệu văn thể, cho đến các kiểu bài làm văn. Phần văn học sử được học có hệ thống, nếu ở lớp 9 học “Đại cương văn học sử Việt Nam từ khởi thuỷ đến hiện kim”, thì sang lớp 10 học sâu hơn, kiến thức được nâng cao hơn: “Văn chương truyền khẩu (Văn chương bình dân)”; “Văn chương chữ Nôm từ đầu nhà Trần (Hàn Thuyên) đến Nguyễn Du”; “Giới thiệu thơ chữ Hán và truyện cổ tích”, để đến lớp 11 sẽ học tiếp giai đoạn còn lại “Văn học Việt Nam từ sau Nguyễn Du đến 1945: văn học chữ Nôm và văn học chữ Quốc ngữ”, trong đó có học kỹ về tác gia Nguyễn Công Trứ. Phần văn thể cũng được học một cách bài bản, có hệ thống về các thể loại: tục ngữ, ca dao, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, câu đố, thơ lục bát và biến thể, thơ song thất lục bát và biến thể, câu đối, phú, văn tế, hát nói, thơ Mới. Riêng hai thể loại ngâm khúc và truyện thơ Nôm tuy chương trình không có bài học riêng ở phần văn thể nhưng lại được giới thiệu về thể loại ở bài học về thơ lục bát, thơ song thất lục bát và ở bài trích giảng về tác phẩm Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, Hoa tiên, Đoạn trường tân thanh, Lục Vân Tiên. Còn thể hát nói thì được giới thiệu kỹ khi học về hai tác giả Nguyễn Công Trứ và Cao Bá Quát ở lớp 9 và lớp 11.

5.2. Bài giảng văn quy định chương trình và sách giáo khoa dù được biên soạn theo loại thể - kiểu bài (chủ yếu là ở Trung học Đệ nhất cấp) nhưng vẫn đảm bảo theo tiến trình phát triển lịch sử văn học. Để sau đó, học sinh sẽ được học nâng cao về văn học sử Việt Nam qua các bài học trọng tâm ở lớp 10 và 11.

5.3. Qua các văn bản giảng bình và đọc thêm, khi biên soạn sách giáo khoa, các soạn giả đã có ý thức tích hợp giữa văn học (giảng văn / bình giảng) với làm văn (qua các kiểu bài luận) và ngôn ngữ (qua việc chú thích giải nghĩa các từ cổ, từ Hán Việt trong các văn bản được trích giảng, bài học về các biện pháp tu từ: Ngữ hoa, Từ hoa, Ý hoa).

Đây là một đóng góp không nhỏ của các nhà soạn sách, mà việc biên soạn sách giáo khoa theo phương pháp tích hợp có tính hiện đại và khoa học này gần đây, từ năm 2000 Bộ Giáo dục và Đào tạo mới có chủ trương, như thế là chương trình Ngữ văn hiện nay đã đi chậm khoảng gần nửa thế kỷ nếu so với chương trình môn Văn của miền Nam trước đây!

5.4. Các bài giảng văn đã kết hợp giữa thể loại (kiểu văn bản) với tiến trình lịch sử văn học, có sự tích hợp giảng văn với làm văn (luận văn) xuyên suốt các lớp học trong toàn hai cấp. Những tác giả, tác phẩm được học kỹ trong chương trình thì đó thường là những trọng tâm trọng điểm để ra đề thi Trung học Đệ nhất cấp và thi Tú tài bán phần. Việc này, các soạn giả sách giáo khoa môn Văn ở miền Nam đã biên soạn theo hướng tích hợp.

5.5. Như trên đã nêu, ở đây xin được nói lại để nhấn mạnh là trong chương trình môn Văn mỗi tháng có 2 giờ thuyết trình các tác phẩm văn học hiện đại hay đương đại. Có thể nói đây là những giờ học đầy hứng thú của cả lớp, rèn được nhiều kỹ năng cho học sinh.

5.6. Từ chương trình khung, các soạn giả căn cứ vào chương trình này mà biên soạn nhiều bộ sách giáo khoa cho mỗi môn học, các thầy cô giáo căn cứ vào chương trình khung và sách giáo khoa mà soạn giảng. Cần lưu ý là, các bộ sách giáo khoa chỉ thống nhất chương trình khung, tức thống nhất về tác gia, tác phẩm, chứ ít khi thống nhất về các đoạn trích giảng, khảo sát, đọc thêm, nhưng toàn miền Nam trước năm 1975 đều thống nhất thi chung một đề thi cho mỗi môn học trong các kỳ thi: Trung học Đệ nhất cấp, Tú tài bán phần, trong đó môn Văn chỉ thi trong kỳ thi Trung học Đệ nhất cấp và Tú tài bán phần, mà hồi ấy, tôi chưa thấy có phụ huynh hay học sinh nào phàn nàn về chương trình về sách giáo khoa là quá tải hay bất cập. Tác giả Nguyễn Công Trứ là một trong vài tác giả trọng tâm được học kỹ trong chương trình và cũng là tác giả trọng tâm trong kỳ thi Trung học Đệ nhất cấp khi học xong lớp Đệ tứ (lớp 9) và thi lấy bằng Tú tài bán phần khi học xong lớp Đệ nhị (lớp 11). Hồi ấy, học gì thì thi nấy, chứ không có hạn chế chương trình thi và môn thi như bây giờ. Nếu tôi nhớ không nhầm thì cứ khoảng ba đến dăm năm, Bộ Giáo dục có ra chỉ thị hay sắc lệnh, nghị định về cập nhật hoá chương trình, các soạn giả căn cứ vào đó mà biên soạn bổ sung, cập nhật, chứ không cần phải thay đổi toàn bộ sách giáo khoa.

6. Đề xuất

6.1. Khi biên soạn chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn mới, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Khoa học Giáo dục, nên tham khảo và học tập cách biên soạn chương trình và sách giáo khoa các nước tiên tiến. Từ đó, định hướng chương trình khung và việc biên soạn sách giáo khoa sao cho khoa học và hiện đại. Riêng môn Ngữ văn chương trình khung và sách giáo khoa cần phải thể hiện sự tích hợp vừa theo kiểu văn bản (thể loại), vừa theo tiến trình phát triển của lịch sử văn học.

6.2. Thiết nghĩ, Bộ và Viện Khoa học Giáo dục chỉ định hướng nội dung chương trình khung cho mỗi môn học ở từng lớp. Việc biên soạn sách giáo khoa các môn học, Bộ nên để cho đội ngũ thầy cô giáo trực tiếp giảng dạy đảm nhận, Bộ với tư cách là cơ quan chủ quản chỉ quản lý và định hướng chứ không nên ôm cả biên soạn sách như từ trước đến nay. Cùng một chương trình khung, nên có nhiều bộ sách giáo khoa để cho thầy và trò lựa chọn. Dĩ nhiên, những bộ sách giáo khoa này cần phải được Hội đồng kiểm định chất lượng chuyên môn do Bộ thành lập với sự tán thành và thống nhất cao, sau đó mới được xuất bản và cho các trường sử dụng.

6.3. Riêng tác gia Nguyễn Công Trứ nên bổ sung thêm một vài bài thơ Nôm Đường luật, một bài hát nói và bài Hàn Nho phong vị phú trong chương trình chính khoá.

6.4. Nhiều năm trước, do nhu cầu cuộc sống, tôi có làm thêm với nhiệm vụ phụ trách chuyên môn ở Trường Trung học Quốc tế APU, nên có dịp đọc kỹ sách giáo khoa môn Văn trung học của Bang California - Hoa Kỳ, tôi thấy các soạn giả của bộ sách này biên soạn rất hiện đại. Tất cả các kiến thức giảng văn, ngôn ngữ và làm văn, kể cả lý thuyết (lý luận) văn học, văn học sử đều được tích hợp trong một văn bản. Có văn bản chọn giảng trong sách giáo khoa được biên soạn từ năm 1958, hiện vẫn còn dùng, có sự bổ sung câu hỏi qua các năm, mà việc bổ sung định hướng này đều được sách ghi chú cụ thể. Có lẽ chúng ta cần nên tham khảo bộ sách giáo khoa môn Văn này của Bang California để nghĩ suy về phương pháp, cách thức khi biên soạn sách giáo khoa mới.

6.5. Các bộ sách giáo khoa Văn ở miền Nam trước đây như bộ của soạn giả Đỗ Văn Tú hay bộ của Thẩm Thệ Hà là những bộ được biên soạn theo phương pháp hiện đại, tích hợp, vừa theo thể loại lại vừa theo tiến trình lịch sử. Điều đó có nghĩa là việc thiết kế chương trình khung và phương pháp biên soạn sách giáo khoa môn Văn theo hướng hiện đại, tích hợp như hiện nay ngành Giáo dục đang chủ trương và thực hiện, nếu so với chương trình và sách giáo khoa ở miền Nam thì hiện chúng ta đã đi sau đến gần nửa thế kỷ! Cho nên, các soạn giả khi biên soạn sách giáo khoa Ngữ văn mới cần phải tham khảo thêm và nên học tập về phương pháp biên soạn trong những bộ sách giáo khoa này ở miền Nam trước 1975.

Tài liệu tham khảo

1. Sắc lệnh số 660/TT/SL ngày 01-12-1969 về Chương trình Cập nhật hoá của Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn.

2. Nghị định số 1152A GD/KHPC/ND ngày 26-6-1970 về Chương trình Cập nhật hoá của Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn.

3. Doãn Quốc Sĩ, Khảo luận về Nguyễn Công Trứ, Nam Sơn, Sài Gòn, 1960.

4. Đỗ Văn Tú, Giảng văn lớp 6; Giảng văn lớp 7; Giảng văn lớp 8; Giảng văn lớp 9; Giảng văn lớp Đệ tam; Giảng văn lớp Đệ nhị, Văn Hào xuất bản, SG, 1970.

5. Nguyễn Duy Diễn, Luận đề về Nguyễn Công Trứ (dùng trong các kỳ thi Trung học), Nxb Thăng Long, Hà Nội, 1952.

6. Phạm Thế Ngũ, Bài Việt văn kỳ thi Tú tài - Bài luận văn chương, 3 tập, Phạm Thế xuất bản - Quốc học tùng thư, Sài Gòn, 1970.

7. Tạ Ký, Việt Nam thi văn trích giảng, Nxb Khoa học, Sài Gòn, 1961.

8. Thẩm Thệ Hà, Giảng văn lớp 6, Sống Mới xuất bản, Sài Gòn, 1974.

9. Thẩm Thệ Hà, Giảng văn lớp 7, Sống Mới xuất bản, Sài Gòn, 1974.

10. Thẩm Thệ Hà - Xuân Tước, Giảng văn lớp 8, Sống Mới xuất bản, Sài Gòn, 1974.

11. Thẩm Thệ Hà - Xuân Tước, Giảng văn lớp 9, Sống Mới xuất bản, Sài Gòn, 1974.

12. Thẩm Thệ Hà - Xuân Tước - Bằng Giang, Giảng văn lớp 10, Sống Mới xuất bản, Sài Gòn, 1974.

13. Thẩm Thệ Hà - Xuân Tước - Bằng Giang, Giảng văn lớp 11, Sống Mới xuất bản, Sài Gòn, 1974.

14. Võ Thu Tịnh, Việt văn, Đệ nhị A B C D, 2 tập, in lần thứ 3, Hải Vân xuất bản, Sài Gòn, 1965.

15. Vũ Ký, Luận văn chương và giải đề thi Tú tài 1 A B C D, Trí Đăng xuất bản, Sài Gòn, 1972.

1. PGS.TS – Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG TP HCM [↑](#footnote-ref-1)